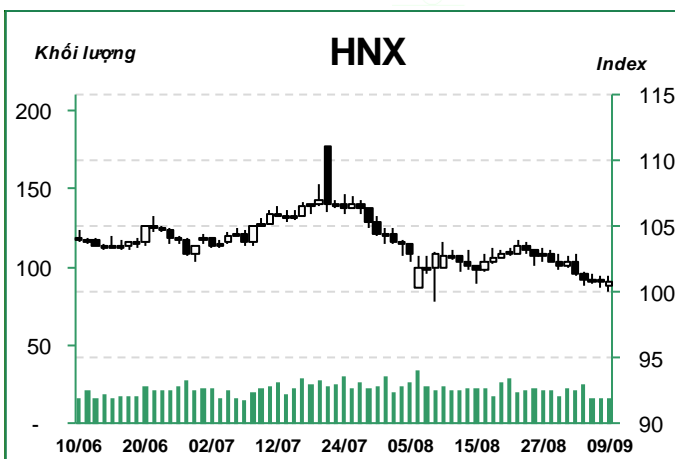
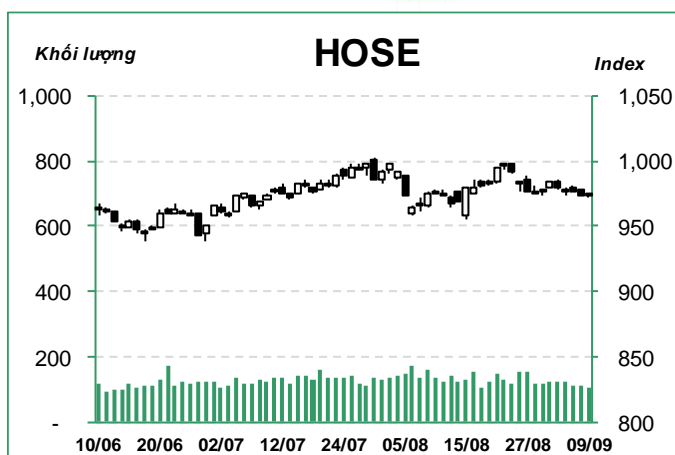


Tổng quan thị trường

09/09/2019	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	974.12	0.00%	885.61	-0.04%	100.85	-0.06%
Cuối tuần trước	974.08	0.00%	885.95	-0.04%	100.92	-0.06%
Trung bình 20 ngày	981.09	-0.71%	889.67	-0.46%	102.15	-1.27%
Tổng KLGD (triệu cp)	155.28	-3.65%	70.53	-0.51%	23.64	16.24%
KLGD khớp lệnh	104.29	-3.94%	37.16	-8.34%	16.05	4.25%
Trung bình 20 ngày	126.49	-17.55%	47.92	-22.45%	20.96	-23.42%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	3,799.76	-0.22%	2,434.63	1.19%	320.04	46.10%
GTGD khớp lệnh	2,141.09	3.78%	1,254.36	-1.52%	196.38	9.75%
Trung bình 20 ngày	2,717.63	39.82%	1,626.62	49.67%	284.56	12.47%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	111	30%	9	30%	63	17%
Số mã giảm	196	53%	15	50%	68	18%
Số mã đứng giá	61	17%	6	20%	238	64%



Sau tuần giảm điểm liên trước, thị trường tiếp tục giao dịch ảm đạm với thanh khoản mất hút trong khi chứng khoán thế giới vẫn tích cực sau khi Mỹ Trung nhất trí nối lại đàm phán và căng thẳng tại Hongkong có phần hạ nhiệt. Ngoài ra, thông tin chủ tịch FED hứa sẽ hành động phù hợp hỗ trợ đà tăng trưởng gia tăng kỳ vọng cơ quan này sẽ giảm lãi suất thêm 0.25% cũng là một thông tin tốt cho thị trường. Trong nước, dù giao dịch ảm đạm nhưng điểm sáng là việc khối ngoại trở lại mua ròng hơn 360 tỷ đồng trên sàn HOSE trong phiên đầu tuần.

Ở sàn HOSE, VN-Index giằng co ở tham chiếu suốt thời gian giao dịch. Chỉ số kịp thời giành lại sắc xanh khi kết phiên đóng cửa tại 974.12 điểm (+0.00%). KLGD khớp lệnh tiếp tục sụt giảm còn 104.3 triệu cổ phiếu (-3.9%), tương đương 2,141 tỷ đồng giá trị (+3.8%).

Cổ phiếu ngân hàng gồm Techcombank-TCB (-2.3%), VPBank-VPB (-1.0%), Vietcombank-VCB (-0.1%) đóng góp nhiều nhất vào đà giảm của chỉ số, theo sau là các cổ phiếu vốn hóa lớn khác như PV Gas-GAS (-0.7%), Hòa Phát-HPG (-0.9%), Tập đoàn Bảo Việt-BVH (-0.7%). Nhóm cảng biển gồm ĐT và PT Cảng Đình Vũ-DVP (-6.9%), Cảng Đồng Nai-PDN (-6.7%), Tân Cảng Logistics-TCL (-4.6%) và BĐS khu công nghiệp gồm Sonadezi Châu Đức-SZC (-6.1%), Sonadezi Long Thành-SZL (-7.0%), PT KCN Tín Nghĩa-TIP (-4.5%) tiếp tục lao dốc mạnh. Hỗ trợ lớn nhất cho thị trường là nhóm thực phẩm đồ uống gồm VINAMILK-VNM (+1.4%), GTNFOODS-GTN (+5.5%), Tập đoàn KIDO-KDC (+1.0%) và cổ phiếu đầu ngành bất động sản là VinGroup-VIC (+1.2%). Ngoại trừ VIC, sắc đỏ vẫn bao trùm nhóm này với Novaland-NVL (-1.3%), Xây dựng Hà Đô-HDG (-2.6%), Đô thị Từ Liêm-NTL (-1.6%) đồng loạt suy giảm.

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
VJC	2,600.0	344.24
ROS	13,000.0	331.50
TCB	14,808.0	327.80
MSN	703.3	52.07
NVL	860.0	51.60
VRC	1,700.0	26.35
VNM	200.0	24.74
VHM	268.0	23.64
NAF	1,000.7	20.02
TTB	613.0	14.23
HNX		
VCG	1,333.0	35.19
PGS	948.0	30.34
SHB	3,540.0	21.95
LHC	160.0	9.87
AMV	490.0	8.53
GKM	546.6	8.04
VC3	294.4	6.62
VMC	251.5	2.84
TTZ	25.0	0.18
ACB	5.0	0.11

Khối ngoại gia tăng mua ròng trên sàn HOSE, đạt giá trị 360.6 tỷ đồng (+20.6%), chủ yếu mua thỏa thuận ở mã VJC (+354.1 tỷ) sau khi mã này được FTSE ETF thêm vào trong đợt review danh mục quý 3, các mã mua ròng theo sau như GEX (+16.1 tỷ), PLX (+16.0 tỷ) có giá trị không quá lớn. Chiều ngược lại, HPG (-18.3 tỷ), MSN (-11.2 tỷ), TNA (-5.5 tỷ) bị bán ròng nhiều nhất.

Sàn Hà Nội, HNX-Index cũng có diễn biến giao dịch giằng co tương tự, chỉ số chốt phiên giảm điểm tại mức 100.85 điểm (-0.06%). Thanh khoản vẫn duy trì mức thấp dù KLGD khớp lệnh tăng nhẹ đạt 16.0 triệu cổ phiếu (+4.3%), tương đương 196.4 tỷ đồng giá trị (+9.7%).

Gây áp lực lớn nhất đến chỉ số là nhóm dầu khí gồm DVKT Dầu khí PTSC-PVS (-1.5%), Khí Miền Nam-PGS (-0.9%), PVGAS NORTH-PVG (-1.4%) và nhóm chứng khoán gồm Chứng khoán SG - HN-SHS (-2.7%), Chứng khoán MB-MBS (-0.7%), Chứng khoán Artex-ART (-5.3%). Ngoài ra, nhóm hóa chất gồm Hóa chất Đức Giang-DGC (-1.1%), Thuốc sát trùng Cần Thơ-CPC (-1.1%), Hãng sơn Đông Á-HDA (-1.0%) cũng đồng loạt giảm điểm và kéo chỉ số đi xuống. Ở chiều ngược lại, sắc xanh ở các cổ phiếu đơn lẻ có vốn hóa lớn trên sàn HNX như VICOSTONE-VCS (+1.1%), Khách sạn Đại Dương-OCH (+10.0%), Cảng Đà Nẵng-CDN (+3.9%) đóng vai trò hỗ trợ chỉ số.

Khối ngoại gia tăng bán ròng trên HNX, với giá trị 8.8 tỷ đồng so với mức -0.7 tỷ của phiên trước. Tâm điểm bán gồm PVS (-6.9 tỷ) với giá trị vượt trội các mã theo sau như NET (-0.6 tỷ), SRA (-0.3 tỷ). Chiều ngược lại, lực mua yếu ớt rải rác ở các mã PVI (+0.1 tỷ), VCS (+0.1 tỷ), AMV (+0.0 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giao dịch đứng giá. Khối lượng giao dịch tiếp tục suy giảm và duy trì mức thấp hơn bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền thận trọng và đứng ngoài thị trường. Không những vậy, chỉ số có thể vẫn đang nằm trong xu hướng điều chỉnh ngắn hạn, khi chỉ số đang đóng cửa dưới MA20 và 50, kèm theo đường MA5 cắt xuống MA20, cho tín hiệu xác nhận xu hướng điều chỉnh hiện tại. Tuy nhiên, khi qua sát kỹ trên đồ thị nến ngày, chúng ta nhận thấy chỉ số đang xuất hiện nến Doji khi tiệm cận vùng hỗ trợ quanh 971 điểm (MA100), kèm theo đường MA 20 khá phẳng, cho thấy chỉ số có sự lưỡng lự và giằng co trong biên độ hẹp ở vùng điểm số hiện tại. Do đó, trong trường hợp tích cực, chỉ số có thể có sự chuyển biến theo hướng phục hồi trở lại từ vùng hỗ trợ MA100 và tiến lên thử thách lại ngưỡng kháng cự xu hướng ngắn hạn 980 điểm (MA20). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tiêu cực hơn. Chỉ số có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp và duy trì đóng cửa dưới MA5 và 20, cho thấy xu hướng điều chỉnh ngắn hạn đang tiếp diễn, chỉ số có thể đi xuống thử thách ngưỡng hỗ trợ tâm lý 100 điểm trong những phiên tiếp theo. Nhìn chung, thị trường vẫn duy trì tín hiệu theo hướng tiêu cực. Do đó, nhà đầu tư nên cân nhắc giữ tỷ trọng ở mức hợp lý nhằm phòng vệ tốt trước các rủi ro bất ngờ từ thị trường.

Thống kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
YEG	69.5	165.8	6.9%
HVG	2.9	215.6	6.9%
HRC	41.1	0.9	6.9%
TIX	30.3	0.0	6.9%
CDC	14.9	2.0	6.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FTM	7.1	14.5	-7.0%
SZL	50.6	72.5	-7.0%
SGT	6.0	0.2	-7.0%
D2D	67.0	312.7	-6.9%
DVP	42.9	126.4	-6.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ROS	27.6	365.0	1.7%
FPT	53.8	134.9	1.7%
VJC	132.8	97.8	1.8%
HPG	21.2	75.8	-0.9%
VNM	124.5	61.7	1.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ROS	27.6	13,669.7	1.7%
ITA	3.2	6,378.6	-1.5%
HPG	21.2	3,551.2	-0.9%
SCR	6.6	3,325.6	-0.6%
PVD	17.8	2,957.3	-0.3%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACM	0.5	218.8	25.0%
HKB	0.6	44.1	20.0%
SPI	1.0	197.7	11.1%
OCH	7.7	0.4	10.0%
TA9	8.8	11.7	10.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DPS	0.4	27.4	-20.0%
NHP	0.5	31.9	-16.7%
TKC	17.6	0.1	-9.7%
CKV	15.2	0.4	-9.5%
PBP	8.7	5.3	-9.4%

Top 5 giá trị

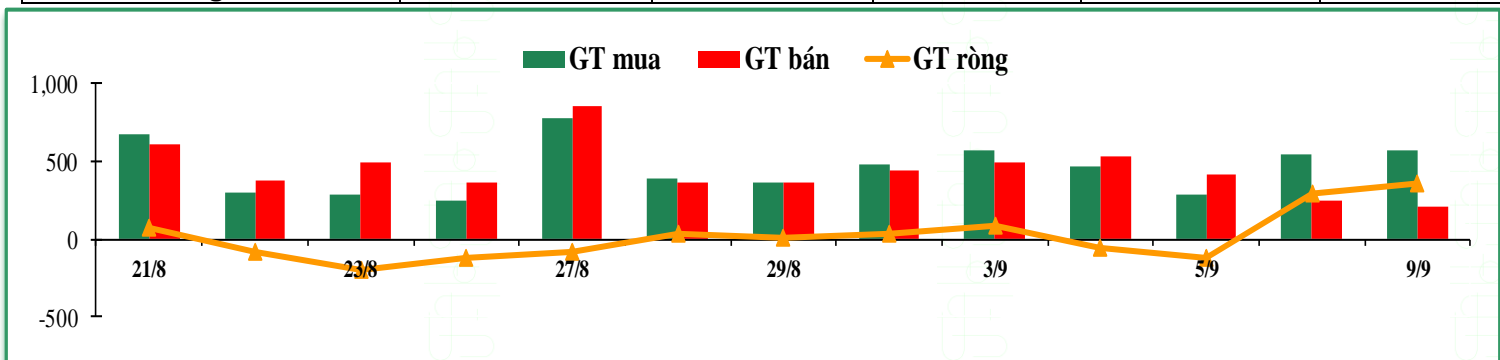
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	20.2	51.6	-1.5%
C69	26.7	21.2	9.9%
VCS	84.8	15.9	1.1%
VCG	26.4	8.2	0.0%
ACB	21.9	8.1	0.0%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PVS	20.2	2,523.5	-1.5%
ART	1.8	2,069.1	-5.3%
C69	26.7	836.5	9.9%
KLF	1.2	797.2	0.0%
PVX	1.4	716.8	-6.7%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	565.4	26.4%	204.8	9.6%	360.6
HNX	1.0	0.5%	9.8	5.0%	-8.8
Tổng số	566.4		214.6		351.8



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VJC	132.8	358.5	1.8%
VNM	124.5	51.3	1.4%
VHM	88.4	36.4	-0.5%
GEX	21.0	18.3	0.7%
PLX	61.9	16.0	2.2%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	88.4	40.3	-0.5%
VNM	124.5	39.6	1.4%
HPG	21.2	26.2	-0.9%
MSN	74.0	15.2	0.0%
VIC	122.6	7.9	1.2%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VJC	132.8	354.1	1.8%
GEX	21.0	16.1	0.7%
PLX	61.9	16.0	2.2%
VNM	124.5	11.7	1.4%
VIC	122.6	6.3	1.2%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SRA	8.9	0.4	-9.2%
BVS	10.6	0.3	-0.9%
PVI	33.2	0.1	-1.8%
VCS	84.8	0.1	1.1%
AMV	19.0	0.0	1.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	20.2	6.9	-1.5%
SRA	8.9	0.7	-9.2%
NET	32.4	0.6	8.4%
SHS	7.1	0.3	-2.7%
BVS	10.6	0.2	-0.9%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVI	33.2	0.1	-1.8%
VCS	84.8	0.1	1.1%
AMV	19.0	0.0	1.6%
MST	3.0	0.0	-3.2%
DP3	62.8	0.0	0.8%

Tin trong nước

Premia MSCI Vietnam ETF hút tiền trở lại trong tuần giao dịch đầu tháng 9

Tuần giao dịch đầu tháng 9 diễn ra không thực sự tích cực khi chỉ số VN-Index ghi nhận mức giảm 1,01% so với tuần trước xuống 974,08 điểm.

Dù vậy, giao dịch khối ngoại lại là điểm sáng khi họ trở lại mua ròng hơn 240 tỷ trên toàn thị trường. Nếu loại đi giao dịch thỏa thuận đột biến AST thì thực chất khối ngoại vẫn bán ròng khoảng 40 tỷ trong tuần vừa qua, nhưng điều này cho thấy áp lực bán của khối ngoại đang dần "hạ nhiệt".

Diễn biến tích cực của khối ngoại tuần qua có sự đóng góp của các quỹ ETFs khi dòng tiền đang dần có tín quay lại các quỹ đầu tư theo chỉ số này.

Trong tuần qua, Premia MSCI Vietnam ETF đã phát hành được 120 nghìn chứng quỹ, tương ứng giá trị 1,2 triệu USD (28 tỷ đồng). Premia MSCI Vietnam ETF là cái tên mới xuất hiện trên TTCK Việt Nam từ tháng 7 vừa qua, sử dụng benchmark là MSCI Vietnam Index. Hiện quy mô quỹ vẫn còn khá nhỏ, chỉ khoảng 23 triệu USD.

VFMVN30 ETF trong tuần qua bị rút ròng 300 nghìn chứng chỉ quỹ, tương ứng giá trị 4 tỷ đồng. Đáng chú ý, trong phiên giao dịch cuối tuần (6/9), quỹ đã phát hành 200 nghìn chứng chỉ quỹ với giá trị 3 tỷ đồng. Trên sàn chứng khoán, trong 3 phiên giao dịch gần nhất (4-6/9), khối ngoại cũng mua ròng chứng chỉ E1VFN30.

Các quỹ ETF khác như VNM ETF, FTSE Vietnam ETF, iShare MSCI Frontier 100 ETF không có hoạt động phát hành/rút chứng chỉ quỹ trong tuần qua. Mặc dù dòng tiền vẫn chưa trở lại nhưng đà rút vốn các quỹ kể trên đang có dấu hiệu tạm ngưng cũng là yếu tố tích cực với thị trường lúc này.

Thép Việt Nam bị áp thuế tạm thời cao nhất hơn 20% tại Malaysia

Cuối tháng 8, Bộ Thương mại Quốc tế và Công nghiệp Malaysia công bố kết luận sơ bộ vụ việc điều tra bán phá giá sản phẩm thép cuộn cán nguội, thép không hợp kim nhập khẩu từ Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Cụ thể, phía Malaysia cho rằng sản phẩm bị điều tra nhập khẩu từ các nước trên đang bán phá giá vào thị trường này và gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất nội địa.

Bộ Thương mại Quốc tế và Công nghiệp Malaysia xác định biên độ bán phá giá sơ bộ đối với thép nhập khẩu từ Việt Nam là 3,7% - 20,13%. Ngoài ra, biên độ phá giá của Trung Quốc là 3,98% - 26,38%; Nhật Bản là 26,39% và Hàn Quốc là 0% - 3,84%.

Căn cứ theo kết luận sơ bộ, Malaysia sẽ áp thuế chống bán phá giá tạm thời tương đương với biên độ bán phá giá sơ bộ trong thời gian 120 ngày từ ngày 26/8. Với Việt Nam, sản phẩm của Công ty TNHH Posco Việt Nam chịu mức thuế thấp nhất 3,7%, và các công ty khác bị áp thuế 20,13%.

Tin doanh nghiệp niêm yết

DIG báo lãi 6 tháng sau soát xét tăng 10 tỷ đồng

Theo BCTC soát xét bán niên, Tổng công ty đầu tư phát triển xây dựng (DIC Corp, HoSE: DIG) ghi nhận doanh thu thuần 690 tỷ đồng, giảm 30,7% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ là 40,4 tỷ đồng, giảm 44%.

So với báo cáo tự lập, doanh thu công ty không thay đổi nhiều nhưng lợi nhuận tăng thêm 9,8 tỷ đồng, ứng mức tăng 32%.

Do việc phân loại lại giữa giá vốn và chi phí bán hàng mảng du lịch nên giá vốn công ty tăng thêm 21,6 tỷ, chi phí bán hàng thì giảm 21 tỷ đồng. Lỗ tại các công ty liên kết tăng thêm 17,2 tỷ khi tại thời điểm lập báo cáo soát xét đã tập hợp đủ báo cáo tài chính tại các công ty con. Thu nhập khác và chi phí khác giảm 1,4 tỷ do bù trừ khoản thu, chi phí từ thanh lý tài sản cố định.

Tuy nhiên, doanh thu tài chính tăng thêm 1,9 tỷ và chi phí tài chính giảm 20,4 tỷ sau khi loại trừ thoái vốn tại các công ty con mà lợi nhuận sau soát xét được điều chỉnh tăng. Chi phí tài chính trong kỳ của công ty giảm từ 27 tỷ về 6,6 tỷ đồng sau soát xét.

Như vậy, sau nửa đầu năm, công ty mới thực hiện 24% chỉ tiêu doanh thu và 12% chỉ tiêu lợi nhuận.

Masan muốn phát hành trái phiếu huy động 1.500 tỷ đồng

Công ty cổ phần tập đoàn Masan (mã CK: MSN) vừa công bố phương án phát hành trái phiếu ra công chúng với quy mô đợt chào bán 1.500 tỷ đồng, nhằm cơ cấu lại các khoản nợ.

Trái phiếu dự kiến được phát hành ngày 26/9, là loại không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo. Mệnh giá là 100.000 đồng, kỳ hạn 3 năm, lãi trả định kỳ 6 tháng một lần. Lãi suất cho năm đầu tiên dự kiến là 10% và các năm tiếp theo căn cứ vào lãi suất tham chiếu từ bốn ngân hàng quốc doanh cộng thêm biên độ 3,2%.

Với nhà đầu tư cá nhân, lượng đặt mua tối thiểu trong lần phát hành này là 100.000 trái phiếu, tương đương 10 tỷ đồng theo mệnh giá. Còn nhà đầu tư tổ chức, lượng đặt mua tối thiểu là 200 tỷ đồng.

Đến cuối quý II, tổng tài sản của công ty này đạt hơn 68.000 tỷ đồng, trong đó đối ứng bên phần nguồn vốn, các khoản vay nợ và trái phiếu chiếm hơn một phần ba. Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/6 của Masan đạt hơn 36.000 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận chưa phân phối gần 18.000 tỷ.

Viettel Global đạt gần 1.170 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế 6 tháng

Tổng CTCP Đầu tư Quốc tế Viettel – Viettel Global (Upcom: VGI) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất bán niên đã được soát xét.

Theo đó, doanh thu thuần đạt gần 7.900 tỷ đồng, với lãi gộp tăng từ 2.113 tỷ lên 2.769 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp cải thiện đáng kể khi tăng từ 26,4% lên 35,3%.

Bên cạnh đó, lợi nhuận từ công ty liên kết đạt 98 tỷ đồng, tăng 510 tỷ đồng so với cùng kỳ do thị trường Myanmar đi vào hoạt động được gần 1 năm, với tăng trưởng đột biến cùng tốc độ cao nhất trong lịch sử đầu tư nước ngoài của Viettel Global.

Tổng hợp các yếu tố trên, Viettel Global đạt 1.170 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 722 tỷ đồng - tăng nhẹ so với số liệu trước soát xét.

Viettel Global hiện là một trong những doanh nghiệp lớn nhất trên sàn UPCoM xét trên cả 2 phương diện là quy mô tài sản và vốn hóa thị trường.

Tại thời điểm 30/6, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của công ty đạt lần lượt là 59.000 tỷ và 25.000 tỷ đồng. Vốn hóa thị trường của công ty tính đến cuối tháng 8 đạt gần 112.000 tỷ đồng (4,8 tỷ USD).

Nhờ lợi nhuận tăng trưởng, cổ phiếu Viettel Global gấp gần 3 kể từ đầu năm, từ 13.000 lên 36.000 đồng.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Lý Do
1	VNM	Mua	10/9/2019	124.5	124.5	0.0%	136.0	9%	119.0	-4%	Xu hướng phục hồi trở lại

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VPB	Mua	6/9/2019	20.15	20.25	-0.5%	22.5	11%	19.3	-5%	
2	VSC	Mua	3/9/2019	29.15	29.70	-1.9%	32.0	8%	28.4	-4%	
3	TNA	Mua	29/8/2019	13.20	13.90	-5.0%	16.0	15%	12.9	-7%	
4	VCB	Mua	22/8/2019	77.20	80.00	-3.5%	88.1	10%	76.0	-5%	
5	VHM	Nắm giữ	21/8/2019	88.40	86.70	2.0%	95.0	10%	82.0	-5%	
6	CVT	Nắm giữ	14/8/2019	20.40	19.80	3.0%	23.0	16%	18.9	-5%	
7	BMP	Mua	8/8/2019	49.50	49.20	0.6%	55.0	12%	45.9	-7%	
8	VIC	Mua	24/7/2019	122.60	119.80	2.3%	128.5	7%	116.4	-3%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền (*)	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 09/09/2019							Thông tin chứng quyền					
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (**)(VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT1901	1,900	4,700	9.3 *	147%	26,485	2	53,800	4,406	VND	FPT	45,000	2	11/09/2019
CFPT1902	3,800	8,700	3.2 *	129%	5,981	21	53,800	7,932	SSI	FPT	46,000	1	30/09/2019
CFPT1903	6,000	12,080	2.37 *	101%	8,336	112	53,800	8,500	SSI	FPT	46,000	1	30/12/2019
CHPG1902	1,000	460	-8 *	-54%	821	93	21,200	0	KIS	HPG	41,999	5	11/12/2019
CHPG1903	1,500	30	-25 *	-98%	14,255	3	21,200	-	VPS	HPG	23,200	2	12/09/2019
CHPG1904	2,200	510	-49 *	-77%	18,790	21	21,200	0	SSI	HPG	23,100	1	30/09/2019
CHPG1905	3,300	3,000	-4.76 *	-9%	4,187	112	21,200	140	SSI	HPG	23,100	1	30/12/2019
CHPG1906	3,750	750	-5.06 *	-80%	232	113	21,200	145	SSI	HPG	23,100	1	31/12/2019
CMBB1901	1,900	1,930	-8.1 *	2%	14,719	7	22,600	2,020	SSI	MBB	20,600	1	16/09/2019
CMBB1902	3,200	3,000	-1.32 *	-6%	24,978	99	22,600	1,169	HSC	MBB	21,800	1	17/12/2019
CMWG1902	2,990	8,490	-0.7 *	184%	259	93	116,100	6,810	VND	MWG	90,000	4	11/12/2019
CMWG1903	2,700	5,610	2 *	108%	1,869	108	116,100	4,499	HSC	MWG	95,000	5	26/12/2019
CMWG1904	14,000	32,250	-1.92 *	130%	1,459	112	116,100	22,546	SSI	MWG	95,000	1	30/12/2019
CVNM1901	1,200	680	-2.86 *	-43%	3,303	95	124,500	0	KIS	VNM	158,888	10	13/12/2019
CMSN1901	1,920	1,460	-2.67 *	-24%	1,232	66	74,000	0	KIS	MSN	88,888	5	14/11/2019
CVIC1901	1,960	2,280	2.7 *	16%	3,587	66	122,600	0	KIS	VIC	140,888	5	14/11/2019
CVRE1901	1,900	1,280	-5.19 *	-33%	9,377	66	34,000	0	KIS	VRE	40,888	2	14/11/2019

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2018/19E (tỷ)	EPS 2018/19E	BV 2018/19E	ROE 2018/19E	ROA 2018/19E	PE 2018/19E	PB 2018/19E	Cổ tức dự kiến**
CVT (New)	HOSE	20,400	21,779	16/08/2019	164	4,456	18,327	28%	13%	4.9	1.1	25%
ANV (New)	HOSE	25,450	32,432	15/08/2019	677	5,341	16,990	31%	17%	6.1	1.9	N/A
PTB (New)	HOSE	68,600	77,941	31/07/2019	439	9,031	45,750	33%	15%	8.0	N/A	35%
PVS (New)	HNX	20,200	28,300	30/07/2019	1,356	2,837	26,976	11%	6%	10.0	1.0	7%
TNG (New)	HNX	17,900	22,378	27/07/2019	306	4,929	16,924	23%	7%	N/A	N/A	N/A
NKG (New)	HOSE	5,970	6,200	24/07/2019	41	226	16,909	1%	1%	27.0	N/A	N/A
FMC	HOSE	27,050	34,462	17/07/2019	205	4,244	17,316	25%	13%	8.1	2.0	20%
DGW	HOSE	23,550	27,415	12/07/2019	128	3,059	20,794	15%	5%	9.0	1.3	5%
VCS	HNX	84,800	74,930	10/07/2019	1,325	8,284	20,993	49%	30%	9.0	3.5	40%
MWG	HOSE	116,100	103,577	27/06/2019	3,705	8,163	24,967	33%	11%	12.7	4.1	15%
STK	HOSE	21,500	27,398	04/06/2019	211	2,980	15,841	19%	9%	9.2	1.7	15%
PHR	HOSE	55,000	55,300	23/05/2019	1,065	7,858	N/A	37%	20%	7.0	2.4	40%
HPG	HOSE	21,200	33,600	19/04/2019	8,501	4,003	N/A	23%	13%	10.0	2.6	N/A
MSN	HOSE	74,000	96,375	18/04/2019	5,206	4,476	33,331	14%	8%	22.0	2.9	N/A
GAS	HOSE	100,100	90,500	11/04/2019	11,510	6,014	N/A	24%	16%	16.0	2.6	N/A
POW	HOSE	12,600	19,100	13/03/2019	2,133	911	10,685	9%	4%	21.0	1.8	7%
CTD	HOSE	97,100	157,632	25/01/2019	1,608	21,302	117,140	19%	9%	7.4	1.3	50%
BMP	HOSE	49,500	75,200	09/01/2019	499	6,090	33,553	19%	16%	12.4	2.2	40%
CTI	HOSE	23,400	30,370	24/12/2018	139	1,789	23,470	10%	3%	16.9	1.3	10%
QNS	HOSE	30,500	47,753	21/12/2018	1,097	3,751	16,965	23%	15%	12.7	2.8	15%
ANV	HOSE	25,450	42,824	12/12/2018	588	3,890	14,795	38%	18%	12.0	2.9	20%
LHG	HOSE	17,700	27,200	05/12/2018	182	3,643	23,964	16%	9%	7.5	1.1	15%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2018 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.